

## II/ MỤC TIÊU

### 1/ Kiến thức

- Học sinh nhận biết được công thức và nội dung định luật Ôm. Giải thích các kí hiệu và đơn vị có trong công thức đó.
- Biết được công thức tính I, U, R của đoạn mạch gồm hai điện trở mắc nối tiếp, mắc song song.
- Biết được những yếu tố ảnh hưởng đến điện trở của dây dẫn và nhận biết được công thức diễn tả sự phụ thuộc đó, giải thích các kí hiệu và đơn vị đo trong công thức đó?
- Hiểu được ý nghĩa của điện trở suất.
- Vận dụng được kiến thức vào làm bài tập.

### 2/ Kỹ năng

- Giải thích các hiện tượng, giải bài tập tính toán.

### 3/ Thái độ

- Nghiêm túc, trung thực trong giờ thi.

## II/ MA TRẬN ĐỀ

Chủ đề	Nhận biết ( 40% )	Thông hiểu (40%)	Vận dụng (20%)	Tổng
1. Định luật Ôm	2 0,7đ	2 0,7đ	1 0,35đ	5 1,75đ
2. Đoạn mạch nối tiếp, song song	6 2,1đ	6 2,1đ	3 1,05đ	15 5,25đ
3. Điện trở - Biến trở	4 1,2đ	4 1,2đ	2 0,6đ	10 3đ
<b>Tổng</b>	<b>12</b> <b>4đ</b>	<b>12</b> <b>4đ</b>	<b>6</b> <b>2đ</b>	<b>30</b> <b>10đ</b>

Người lập

Nhóm trưởng

Duyệt của TTCM

Duyệt của BGH

Nguyễn Thị Thùy Linh

Nguyễn Thị Phương Nhuệ

Trần Thị Nguyên

Đặng Sỹ Đức

TRƯỜNG THCS NGỌC THỤY  
NHÓM VẬT LÝ  
ĐỀ 01

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I  
MÔN : VẬT LÝ 9  
Năm học: 2020 – 2021  
Thời gian làm bài: 45 phút  
Ngày kiểm tra: 27/10/2021

PHẦN I ( 20 câu, mỗi câu 0,35 điểm )

**Câu 1:** Cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn

- A. tỉ lệ thuận với điện trở của dây dẫn.
- B. tỉ lệ nghịch với khối lượng dây dẫn.
- C. tỉ lệ nghịch với hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây dẫn đó.
- D. tỉ lệ thuận với hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây.

**Câu 2:** Trong các công thức sau đây, với U là hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn, I là cường độ dòng điện qua dây dẫn, R là điện trở của dây, công thức nào là **sai**?

- A.  $I = \frac{U}{R}$
- B.  $I = U.R$
- C.  $R = \frac{U}{I}$
- D.  $U = I.R$

**Câu 3:** Công thức tính điện trở của đoạn mạch gồm hai điện trở  $R_1, R_2$  mắc nối tiếp có dạng

- A.  $R = R_1 + R_2$
- B.  $R = R_1 : R_2$
- C.  $R = R_1 - R_2$
- D.  $R = R_1 . R_2$

**Câu 4:** Đặt một hiệu điện thế  $U_{AB}$  vào hai đầu đoạn mạch gồm hai điện trở  $R_1$  và  $R_2$  mắc nối tiếp ( $R_1$  khác  $R_2$ ). Hiệu điện thế giữa hai đầu mỗi điện trở tương ứng là  $U_1, U_2$ . Hệ thức nào sau đây là **KHÔNG** đúng?

- A.  $R_{AB} = R_1 + R_2$
- B.  $I_{AB} = I_1 = I_2$
- C.  $U_{AB} = U_1 = U_2$
- D.  $U_{AB} = U_1 + U_2$

**Câu 5:** Nếu mạch điện gồm 2021 điện trở R giống nhau mắc nối tiếp thì mạch đó sẽ có điện trở là

- A. 2021R
- B. 20R
- C. 21R
- D. R

**Câu 6 :** Để đo cường độ dòng điện chạy qua một thiết bị điện ta cần mắc Ampe kế như thế nào với thiết bị đó?

- A. Mắc nối tiếp
- B. Mắc song song
- C. Mắc theo cách bất kì
- D. Ampe kế không thể mắc chung với thiết bị đó.

**Câu 7:** Công thức tính điện trở tương đương đối với đoạn mạch gồm hai điện trở mắc song song là

- A.  $R_{td} = R_1 + R_2$
- B.  $R_{td} = \frac{R_1 . R_2}{R_1 + R_2}$
- C.  $R_{td} = \frac{R_1 + R_2}{R_1 . R_2}$
- D.  $R_{td} = R_1 - R_2$

**Câu 8:** Trong đoạn mạch gồm hai điện trở mắc song song ta luôn có

- A.  $R_2 = R_1$
- B.  $U_2 = 2U_1$
- C.  $U_1 = U_2$
- D.  $I_2 = I_1$

**Câu 9:** Để đo hiệu điện thế giữa hai đầu một bóng đèn người ta sử dụng thiết bị nào sau đây?

- A. Lực kế
- B. Nhiệt kế
- C. Ampe kế
- D. Vôn kế

**Câu 10:** Trong đoạn mạch mắc nối tiếp, hiệu điện thế giữa hai đầu đoạn mạch:

- A. bằng hiệu điện thế giữa hai đầu mỗi điện trở thành phần.
- B. bằng tổng hiệu điện thế giữa hai đầu mỗi điện trở thành phần.
- C. bằng tích các hiệu điện thế giữa hai đầu mỗi điện trở thành phần.
- D. luôn nhỏ hơn tổng các hiệu điện thế giữa hai đầu mỗi điện trở thành phần.

**Câu 11 :** Điện trở tương đương của đoạn mạch gồm hai điện trở mắc song song có đặc điểm nào sau đây?

- A. Bằng tổng các điện trở thành phần.
- B. Bằng hiệu các điện trở thành phần.
- C. Luôn lớn hơn các điện trở thành phần.

D. Luôn nhỏ hơn các điện trở thành phần.

**Câu 12:** Khi thay đổi hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây dẫn thì cường độ dòng điện tăng 3 lần. Hỏi hiệu điện thế ở hai đầu dây dẫn đã thay đổi thế nào?

- A. giảm 3 lần                      B. tăng 9 lần                      C. giảm 9 lần                      D. tăng 3 lần

**Câu 13:** Khi hiệu điện thế giữa hai đầu điện trở tăng 4 lần thì điện trở của dây dẫn sẽ

- A. tăng 4 lần.                      B. giảm 4 lần.                      C. không đổi.                      D. giảm 2 lần.

**Câu 14:** Để tìm hiểu sự phụ thuộc của điện trở dây dẫn vào chiều dài dây dẫn, cần phải xác định và so sánh điện trở của các dây dẫn có những đặc điểm nào?

A. Các dây dẫn này phải có cùng tiết diện, được làm từ cùng một vật liệu nhưng có chiều dài khác nhau.

B. Các dây dẫn này phải có cùng chiều dài, được làm từ cùng một vật liệu nhưng có tiết diện khác nhau.

C. Các dây dẫn này phải có cùng chiều dài, cùng tiết diện nhưng được làm bằng các vật liệu khác nhau.

D. Các dây dẫn này phải được làm từ cùng một vật liệu nhưng có chiều dài và tiết diện khác nhau.

**Câu 15:** Một bóng đèn chó ghi (220V- 11W) mắc vào một nguồn điện . Khi đó hiệu điện thế giữa hai đầu bóng đèn là 180V thì ta thấy đèn sáng

A. không sáng

B. bình thường

C. sáng mạnh hơn bình thường

D. sáng yếu hơn bình thường

**Câu 16:** Một mạch điện gồm 3 điện trở  $R_1 = 6\Omega$  ,  $R_2 = 5\Omega$  ,  $R_3 = 4\Omega$  mắc nối tiếp. Cường độ dòng điện chạy trong mạch là 1A. Hiệu điện thế hai đầu mạch là:

A. 10V

B. 11V

C. 12V

D. 15V

**Câu 17:** Mạch điện gồm điện trở  $R_1 = 18\Omega$  và  $R_2 = 17\Omega$  mắc nối tiếp với nhau. Điện trở tương đương của mạch có giá trị

A.  $37\Omega$

B.  $1\Omega$

C.  $21\Omega$

D.  $35\Omega$

**Câu 18:** Hai bóng đèn có cùng hiệu điện thế định mức  $U_1 = U_2 = 6V$ . Khi đèn sáng bình thường điện trở tương ứng là  $R_1 = 6\Omega$  ,  $R_2 = 12\Omega$ . Để hai bóng đèn sáng bình thường cùng lúc ta nên

A. mắc nối tiếp hai bóng đèn vào mạch điện có hiệu điện thế 6V.

B. mắc song song hai bóng đèn vào mạch điện có hiệu điện thế 6V.

C. mắc nối tiếp hai bóng đèn vào mạch điện có hiệu điện thế 9V.

D. mắc song song hai bóng đèn vào mạch điện có hiệu điện thế 12V.

**Câu 19:** Đặt một hiệu điện thế 12V vào hai đầu một dây dẫn có điện trở  $6\Omega$  thì cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn đó có giá trị

A. 12A

B. 2A

C. 3A

D. 4A

**Câu 20:** hiệu điện thế hiệu dụng của mạng điện sinh hoạt ở nước ta hiện nay có độ lớn là

A. 10V

B. 220V

C. 22V

D. 110V

**PHẦN II ( 10 câu, mỗi câu 0,3 điểm )**

**Câu 21:** Điện trở của dây dẫn không phụ thuộc vào yếu tố nào dưới đây?

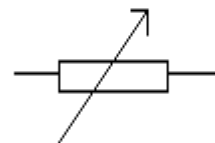
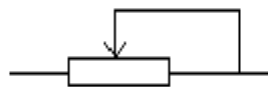
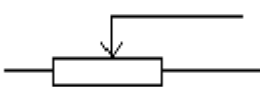
A. Vật liệu làm dây dẫn

B. Khối lượng của dây dẫn

C. Chiều dài của dây dẫn

D. Tiết diện của dây dẫn

**Câu 22:** Hình vẽ không dùng để kí hiệu biến trở là



A.

B.

C.

D.

**Câu 23:** Biểu thức nào sau đây xác định điện trở của dây dẫn?

$$A. R = \rho \frac{l}{S}$$

$$B. R = \frac{lS}{\rho}$$

$$C. R = \frac{S\rho}{l}$$

$$D. R = \rho \frac{S}{l}$$

**Câu 24:** Biết điện trở suất của nhôm là  $2,8 \cdot 10^{-8} \Omega m$ , của vonfram là  $5,5 \cdot 10^{-8} \Omega m$ , của sắt là  $12 \cdot 10^{-8} \Omega m$ . So sánh nào dưới đây là đúng?

- A. Sắt dẫn điện tốt hơn vonfram và vonfram dẫn điện tốt hơn nhôm
- B. Vonfram dẫn điện tốt hơn sắt và sắt dẫn điện tốt hơn nhôm
- C. Nhôm dẫn điện tốt hơn vonfram và vonfram dẫn điện tốt hơn sắt
- D. Nhôm dẫn điện tốt hơn sắt và sắt dẫn điện tốt hơn vonfram

**Câu 25:** Biến trở là:

- A. điện trở có thể thay đổi trị số và dùng để điều chỉnh chiều dòng điện trong mạch.
- B. điện trở có thể thay đổi trị số và dùng để điều chỉnh cường độ và chiều dòng điện trong mạch.
- C. điện trở có thể thay đổi trị số và dùng để điều chỉnh cường độ dòng điện trong mạch.
- D. điện trở không thay đổi trị số và dùng để điều chỉnh cường độ dòng điện trong mạch.

**Câu 26:** Trên một biến trở có ghi  $30\Omega - 2,5A$ . Các số ghi này có ý nghĩa nào dưới đây?

- A. Biến trở có điện trở nhỏ nhất là  $30 \Omega$  và chịu được dòng điện có cường độ nhỏ nhất là  $2,5A$ .
- B. Biến trở có điện trở nhỏ nhất là  $30 \Omega$  và chịu được dòng điện có cường độ lớn nhất là  $2,5A$ .
- C. Biến trở có điện trở lớn nhất là  $30 \Omega$  và chịu được dòng điện có cường độ lớn nhất là  $2,5A$ .
- D. Biến trở có điện trở lớn nhất là  $30 \Omega$  và chịu được dòng điện có cường độ nhỏ nhất là  $2,5A$ .

**Câu 27:** Điện trở của một đoạn dây dẫn được đo bằng đơn vị có kí hiệu nào sau đây?

A. A

B. C

C.  $\Omega$

D. V

**Câu 28:** Có ba dây dẫn bằng đồng, cùng tiết diện với chiều dài mỗi dây lần lượt là  $l_1 = 3m$ ,  $l_2 = 5m$ ,  $l_3 = 8m$ . Xếp theo thứ tự điện trở nhỏ dần là

A. Dây 1, 2, 3

B. Dây 2, 1, 3

C. Dây 3, 2, 1

D. Dây 3, 1, 2

**Câu 29:** Khi tiết diện dây dẫn tăng 2 lần thì điện trở của dây dẫn đó sẽ

A. tăng 4 lần.

B. giảm 2 lần.

C. tăng 2 lần.

D. giảm 4 lần.

**Câu 30:** Hai dây dẫn cùng làm bằng đồng, tiết diện như nhau. Dây thứ nhất có chiều dài  $10m$  điện trở  $20\Omega$ . Dây dẫn thứ 2 có chiều dài  $L$ , điện trở  $60\Omega$ . Giá trị  $L$  là

A.  $20m$

B.  $30m$

C.  $40m$

D.  $50m$

---HẾT---

TRƯỜNG THCS NGỌC THỤY  
NHÓM VẬT LÝ  
ĐỀ 02

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I  
MÔN : VẬT LÝ 9  
Năm học: 2020 – 2021  
Thời gian làm bài: 45 phút  
Ngày kiểm tra: 27/10/2021

PHẦN I ( 20 câu, mỗi câu 0,35 điểm )

**Câu 1:** Cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn

- A. tỉ lệ thuận với điện trở của dây dẫn.
- B. tỉ lệ nghịch với khối lượng dây dẫn.
- C. tỉ lệ nghịch với hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây dẫn đó.
- D. tỉ lệ thuận với hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây.

**Câu 2:** Trong các công thức sau đây, với U là hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn, I là cường độ dòng điện qua dây dẫn, R là điện trở của dây, công thức nào là **sai**?

- A.  $I = \frac{U}{R}$
- B.  $I = U.R$
- C.  $R = \frac{U}{I}$
- D.  $U = I.R$

**Câu 3:** Công thức tính điện trở của đoạn mạch gồm hai điện trở  $R_1, R_2$  mắc nối tiếp có dạng

- A.  $R = R_1 + R_2$
- B.  $R = R_1 : R_2$
- C.  $R = R_1 - R_2$
- D.  $R = R_1 . R_2$

**Câu 4:** Đặt một hiệu điện thế  $U_{AB}$  vào hai đầu đoạn mạch gồm hai điện trở  $R_1$  và  $R_2$  mắc nối tiếp ( $R_1$  khác  $R_2$ ). Hiệu điện thế giữa hai đầu mỗi điện trở tương ứng là  $U_1, U_2$ . Hệ thức nào sau đây là **KHÔNG** đúng?

- A.  $R_{AB} = R_1 + R_2$
- B.  $I_{AB} = I_1 = I_2$
- C.  $U_{AB} = U_1 = U_2$
- D.  $U_{AB} = U_1 + U_2$

**Câu 5:** Nếu mạch điện gồm 2022 điện trở R giống nhau mắc nối tiếp thì mạch đó sẽ có điện trở là

- A. 2022R
- B. 20R
- C. 21R
- D. R

**Câu 6 :** Để đo cường độ dòng điện chạy qua một thiết bị điện ta cần mắc Ampe kế như thế nào với thiết bị đó?

- A. Mắc nối tiếp
- B. Mắc song song
- C. Mắc theo cách bất kì
- D. Ampe kế không thể mắc chung với thiết bị đó.

**Câu 7:** Công thức tính điện trở tương đương đối với đoạn mạch gồm hai điện trở mắc song song là

- A.  $R_{td} = R_1 + R_2$
- B.  $R_{td} = \frac{R_1 . R_2}{R_1 + R_2}$
- C.  $R_{td} = \frac{R_1 + R_2}{R_1 . R_2}$
- D.  $R_{td} = R_1 - R_2$

**Câu 8:** Trong đoạn mạch gồm hai điện trở mắc song song ta luôn có

- A.  $R_2 = R_1$
- B.  $U_2 = 2U_1$
- C.  $U_1 = U_2$
- D.  $I_2 = I_1$

**Câu 9:** Để đo hiệu điện thế giữa hai đầu một bóng đèn người ta sử dụng thiết bị nào sau đây?

- A. Lực kế
- B. Nhiệt kế
- C. Ampe kế
- D. Vôn kế

**Câu 10:** Trong đoạn mạch mắc nối tiếp, hiệu điện thế giữa hai đầu đoạn mạch:

- A. bằng hiệu điện thế giữa hai đầu mỗi điện trở thành phần.
- B. bằng tổng hiệu điện thế giữa hai đầu mỗi điện trở thành phần.
- C. bằng tích các hiệu điện thế giữa hai đầu mỗi điện trở thành phần.
- D. luôn nhỏ hơn tổng các hiệu điện thế giữa hai đầu mỗi điện trở thành phần.

**Câu 11 :** Điện trở tương đương của đoạn mạch gồm hai điện trở mắc song song có đặc điểm nào sau đây?

- E. Bằng tổng các điện trở thành phần.
- F. Bằng hiệu các điện trở thành phần.
- G. Luôn lớn hơn các điện trở thành phần.

H. Luôn nhỏ hơn các điện trở thành phần.

**Câu 12:** Khi thay đổi hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây dẫn thì cường độ dòng điện tăng 5 lần. Hỏi hiệu điện thế ở hai đầu dây dẫn đã thay đổi thế nào?

- A. giảm 5 lần                      B. tăng 9 lần                      C. giảm 9 lần                      D. tăng 5 lần

**Câu 13:** Khi hiệu điện thế giữa hai đầu điện trở tăng 6 lần thì điện trở của dây dẫn sẽ

- B. tăng 4 lần.                      B. giảm 4 lần.                      C. không đổi.                      D. giảm 2 lần.

**Câu 14:** Để tìm hiểu sự phụ thuộc của điện trở dây dẫn vào chiều dài dây dẫn, cần phải xác định và so sánh điện trở của các dây dẫn có những đặc điểm nào?

A. Các dây dẫn này phải có cùng tiết diện, được làm từ cùng một vật liệu nhưng có chiều dài khác nhau.

B. Các dây dẫn này phải có cùng chiều dài, được làm từ cùng một vật liệu nhưng có tiết diện khác nhau.

C. Các dây dẫn này phải có cùng chiều dài, cùng tiết diện nhưng được làm bằng các vật liệu khác nhau.

D. Các dây dẫn này phải được làm từ cùng một vật liệu nhưng có chiều dài và tiết diện khác nhau.

**Câu 15:** Một bóng đèn chó ghi (220V- 11W) mắc vào một nguồn điện . Khi đó hiệu điện thế giữa hai đầu bóng đèn là 180V thì ta thấy đèn sáng

A. không sáng

B. bình thường

C. sáng mạnh hơn bình thường

D. sáng yếu hơn bình thường

**Câu 16:** Một mạch điện gồm 3 điện trở  $R_1 = 6\Omega$  ,  $R_2 = 10\Omega$  ,  $R_3 = 4\Omega$  mắc nối tiếp. Cường độ dòng điện chạy trong mạch là 1A. Hiệu điện thế hai đầu mạch là:

A. 10V

B. 11V

C. 12V

D. 20V

**Câu 17:** Mạch điện gồm điện trở  $R_1 = 18 \Omega$  và  $R_2 = 12 \Omega$  mắc nối tiếp với nhau. Điện trở tương đương của mạch có giá trị

A.  $37 \Omega$

B.  $1 \Omega$

C.  $21 \Omega$

D.  $30 \Omega$

**Câu 18:** Hai bóng đèn có cùng hiệu điện thế định mức  $U_1 = U_2 = 6V$ . Khi đèn sáng bình thường điện trở tương ứng là  $R_1 = 6 \Omega$  ,  $R_2 = 12 \Omega$ . Để hai bóng đèn sáng bình thường cùng lúc ta nên

A. mắc nối tiếp hai bóng đèn vào mạch điện có hiệu điện thế 6V.

B. mắc song song hai bóng đèn vào mạch điện có hiệu điện thế 6V.

C. mắc nối tiếp hai bóng đèn vào mạch điện có hiệu điện thế 9V.

D. mắc song song hai bóng đèn vào mạch điện có hiệu điện thế 12V.

**Câu 19:** Đặt một hiệu điện thế 12V vào hai đầu một dây dẫn có điện trở  $12\Omega$  thì cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn đó có giá trị

B. 12A

B. 1A

C. 3A

D. 4A

**Câu 20:** hiệu điện thế hiệu dụng của mạng điện sinh hoạt ở nước ta hiện nay có độ lớn là

A. 10V

B. 220V

C. 22V

D. 110V

**PHẦN II ( 10 câu, mỗi câu 0,3 điểm )**

**Câu 21:** Điện trở của dây dẫn không phụ thuộc vào yếu tố nào dưới đây?

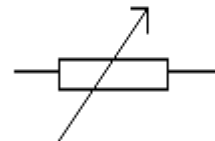
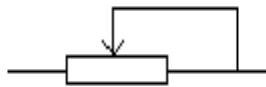
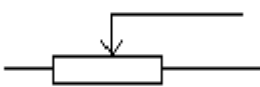
A. Vật liệu làm dây dẫn

B. Khối lượng của dây dẫn

C. Chiều dài của dây dẫn

D. Tiết diện của dây dẫn

**Câu 22:** Hình vẽ không dùng để kí hiệu biến trở là



A.

B.

C.

D.

**Câu 23:** Biểu thức nào sau đây xác định điện trở của dây dẫn?

$$A. R = \rho \frac{l}{S}$$

$$B. R = \frac{lS}{\rho}$$

$$C. R = \frac{S\rho}{l}$$

$$D. R = \rho \frac{S}{l}$$

**Câu 24:** Biết điện trở suất của nhôm là  $2,8 \cdot 10^{-8} \Omega m$ , của vonfram là  $5,5 \cdot 10^{-8} \Omega m$ , của sắt là  $12 \cdot 10^{-8} \Omega m$ . So sánh nào dưới đây là đúng?

- A. Sắt dẫn điện tốt hơn vonfram và vonfram dẫn điện tốt hơn nhôm
- B. Vonfram dẫn điện tốt hơn sắt và sắt dẫn điện tốt hơn nhôm
- C. Nhôm dẫn điện tốt hơn vonfram và vonfram dẫn điện tốt hơn sắt
- D. Nhôm dẫn điện tốt hơn sắt và sắt dẫn điện tốt hơn vonfram

**Câu 25:** Biến trở là:

- A. điện trở có thể thay đổi trị số và dùng để điều chỉnh chiều dòng điện trong mạch.
- B. điện trở có thể thay đổi trị số và dùng để điều chỉnh cường độ và chiều dòng điện trong mạch.
- C. điện trở có thể thay đổi trị số và dùng để điều chỉnh cường độ dòng điện trong mạch.
- D. điện trở không thay đổi trị số và dùng để điều chỉnh cường độ dòng điện trong mạch.

**Câu 26:** Trên một biến trở có ghi  $30\Omega - 2,5A$ . Các số ghi này có ý nghĩa nào dưới đây?

- A. Biến trở có điện trở nhỏ nhất là  $30 \Omega$  và chịu được dòng điện có cường độ nhỏ nhất là  $2,5A$ .
- B. Biến trở có điện trở nhỏ nhất là  $30 \Omega$  và chịu được dòng điện có cường độ lớn nhất là  $2,5A$ .
- C. Biến trở có điện trở lớn nhất là  $30 \Omega$  và chịu được dòng điện có cường độ lớn nhất là  $2,5A$ .
- D. Biến trở có điện trở lớn nhất là  $30 \Omega$  và chịu được dòng điện có cường độ nhỏ nhất là  $2,5A$ .

**Câu 27:** Điện trở của một đoạn dây dẫn được đo bằng đơn vị có kí hiệu nào sau đây?

A. A

B. C

C.  $\Omega$

D. V

**Câu 28:** Có ba dây dẫn bằng đồng, cùng tiết diện với chiều dài mỗi dây lần lượt là  $l_1 = 3m$ ,  $l_2 = 6m$ ,  $l_3 = 12m$ . Xếp theo thứ tự điện trở nhỏ dần là

A. Dây 1, 2, 3

B. Dây 2, 1, 3

C. Dây 3, 2, 1

D. Dây 3, 1, 2

**Câu 29:** Khi tiết diện dây dẫn tăng 6 lần thì điện trở của dây dẫn đó sẽ

A. tăng 6 lần.

B. giảm 2 lần.

C. tăng 2 lần.

D. giảm 6 lần.

**Câu 30:** Hai dây dẫn cùng làm bằng đồng, tiết diện như nhau. Dây thứ nhất có chiều dài  $10m$  điện trở  $15\Omega$ . Dây dẫn thứ 2 có chiều dài  $L$ , điện trở  $45\Omega$ . Giá trị  $L$  là

B.  $20m$

B.  $30m$

C.  $40m$

D.  $50m$

---HẾT---

**TRƯỜNG THCS NGỌC THỤY  
NHÓM VẬT LÝ**

**ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ**

**I MÔN: VẬT LÝ 9**

**Năm học: 2021 – 2022**

**Ngày kiểm tra: 27/10/2021**

***Thời gian làm bài: 45 phút***

**ĐỀ 01**

PHẦN I	1.D	2.B	3.A	4.C	5.A	6.A	7.B	8.C	9.D	10.B
	11.D	12.D	13.C	14.A	15.D	16.D	17.D	18.B	19.B	20.B
PHẦN II	21.B	22.C	23.A	24.C	25.C	26.C	27.C	28.C	29.B	30.B

**ĐỀ 02**

PHẦN I	1.D	2.B	3.A	4.C	5.A	6.A	7.B	8.C	9.D	10.B
	11.D	12.D	13.C	14.A	15.D	16.D	17.D	18.B	19.B	20.B
PHẦN II	21.B	22.C	23.A	24.C	25.C	26.C	27.C	28.C	29.B	30.B